

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-PT
Ngày 14-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Hàn Viết D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Hàn Viết D; sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số X, khu phố B, phường B, thị xã (nay là thành phố) T1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hàn Viết L và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là bà Nguyễn Thị Q1; có 02 người con (sinh năm 1999 và năm 2008); tiền án, tiền sự: không; ngày 05 tháng 7 năm 2019, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Ngoài ra, còn có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hàn Viết D là công nhân làm việc tại Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) địa chỉ khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo pháp luật. Ông Trần Quang K nhận thầu sửa chữa công trình xây dựng hàng rào và làm sân cho Công ty M.

Khoảng tháng 02 năm 2019, do không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định trộm cắp các mặt hàng của Công ty M. D lén lút vào kho thành phẩm của Công ty M vào buổi trưa khi công nhân nghỉ ca và lấy trộm các bộ phận của bàn thờ ông Địa đã gia công mang cất giấu, đến cuối ca làm thì D lấy đem về phòng trọ của mình. Với phương thức trên, hàng ngày D lấy từng bộ phận cho đến khi đầy đủ các bộ phận của bàn thờ ông Địa rồi D lắp ráp thành 01 bàn thờ ông Địa và cất giấu tại phòng trọ. Sau đó, D tiếp tục lấy các ghế dựa chân tròn chạm đã được làm sẵn (chưa được sơn) cất giấu sau nhà vệ sinh của xưởng, sau giờ làm D lấy mang về phòng trọ. Mỗi lần D lấy từ 01 đến 02 cái ghế, tổng cộng đến ngày 10/4/2019 D đã lấy trộm được 10 cái ghế dựa chân tròn.

Quá trình làm việc, D gặp ông K hỏi để bán cho ông K một số đồ dùng bằng gỗ do Công ty M sản xuất. Ông K nghi ngờ tài sản đó là do D trộm cắp nên gọi điện thoại báo cho ông M biết. Ông M nhờ ông K mua hết số hàng mà D bán ra để làm căn cứ xử lý, còn tiền mua sẽ do ông M chi trả cho ông K. Ngày 13/4/2019, D nói bán cho ông K 01 bàn thờ ông Địa với giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng, ông K báo cho ông M biết và ông M nhờ ông K mua lại để bắt giữ D khi giao hàng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D chở 01 bàn thờ ông Địa đến nhà của ông K để giao hàng, ông K nhận và trả cho D 4.000.000 (bốn triệu) đồng như thỏa thuận. Ông K gọi điện báo cho ông M biết nhưng ông M bận việc nên không thể trình báo cơ quan công an được và tiếp tục nhờ ông K hỏi mua hàng hóa từ D để bắt ở lần giao sau. Ngày 29/4/2019, ông K hỏi D còn có hàng gì bán không thì D nói có 10 cái ghế của bàn ăn, ông K đồng ý mua với giá 18.000.000 (mười tám triệu) đồng và hẹn ngày giao là ngày 01/5/2019. Ông K báo cho ông M biết, ông M nói với ông K tiếp tục mua để bắt quả tang D rồi trình báo cơ quan chức năng xử lý. Ngày 01/5/2019, D bận việc nên không thể giao hàng như thỏa thuận, đến ngày 02/5/2019, D thuê ông Lê Công Q1 là chủ xe ba gác chở 10 cái ghế giao cho ông K. Ông K tiếp tục báo cho ông M biết. Ngày 03/5/2019, ông M mời D đến Công ty M để làm việc nhưng D không thừa nhận hành vi chiếm đoạt số đồ gỗ trên của Công ty M nên ông M trình báo đến Công an phường T.

Quá trình điều tra, D đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty M.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 160/KLTS-TTHS, Hội đồng định giá tài sản thị xã T xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 bàn thờ ông Địa có căn ốc, chạm chữ, có rút (60 x 50 x 81)cm (gỗ chiêu liêu) trị giá 2.567.000 (hai triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng; 10 cái ghế dựa chân tròn chạm (49 x 44 x 980)cm

(gỗ chiều liệu) là 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.967.000 (mười bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 46, 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hàn Viết D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hàn Viết D 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, bị cáo Hàn Viết D có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, bị cáo nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty M nên có tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, nhằm đáp ứng tình hình đấu tranh tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định yêu cầu kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về làm lại cuộc đời, trở thành người làm ăn chân chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 02 năm 2019 đến tháng 4 năm 2019, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (địa chỉ khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương), bị cáo Hàn Viết D đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các bộ phận để hoàn thiện 01 bàn thờ ông Địa và 10 cái ghế dựa chân tròn chạm được làm bằng gỗ của Công ty TNHH M. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 17.967.000 (mười bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần, việc bị cáo không chấp hành hình phạt tù sẽ gây ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương, đặc biệt là các tội phạm xâm phạm về sở hữu tài sản đang gia tăng trên địa bàn thị xã T nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hàn Viết D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hàn Viết D 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Hàn Viết D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã T;	2
- VKSND thị xã T;	1
- Chi cục THADS thị xã T;	1
- CQCSĐT CA thị xã T;	1
- Trại Tạm giam – CA tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc